

Bản án số: 47/2026/HS-ST

Ngày 24 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân nhân: Ông Hoàng Minh Xuân và ông Hà Chí Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Thiết – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 -Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2026/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST – HS ngày 09 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Hà Văn C; tên gọi khác: Không; sinh năm 1962 tại xã P, tỉnh Sơn La; số định danh cá nhân: 014062006546; nơi cư trú: Bản N, xã P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N (đã chết) và bà Cầm Thị X (đã chết) bị cáo có vợ là Lường Thị V, sinh năm 1964 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn C: Ông Lường Văn B – Luật sư thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Sơn La. Người đại diện: ông Đào Trung H, chức vụ phó Chủ tịch. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cộng đồng bản N, xã P, tỉnh Sơn La. Người đại diện: ông Lò Văn H, Trưởng bản. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12 năm 2024, Hà Văn C nảy sinh ý định chặt phá rừng (theo Hà Văn C khai là nương cũ của gia đình bỏ hoang từ trước năm 2000) để lấy đất trồng ngô, sắn, vài năm sau sẽ trồng cà phê nên đã dùng 01 con dao dài 33cm rộng 5cm, chuôi làm bằng gỗ dài 13cm và 01 máy cưa cầm tay hiệu Husavrn365s chặt phá rừng tại khu H, thuộc bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là bản N, xã P, tỉnh Sơn La) do cộng đồng bản N, xã P quản lý, bảo vệ. Trong thời gian 12 ngày một mình C chặt phá toàn bộ cây rừng trên diện tích 11.825m² rồi chờ cho cây khô sẽ đốt dọn. Hằng năm Hà Văn C được nghe Ban quản lý bản N, Kiểm lâm viên quản lý địa bàn tuyên truyền phổ biến về trách nhiệm bảo vệ rừng, nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và nhận thức rõ trách nhiệm không được phá rừng. Trước khi chặt phá Hà Văn C không báo cáo, xin phép ban quản lý bản, chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn.

Ngày 26/5/2025 kiểm lâm viên phụ trách địa bàn và ban quản lý bản N phát hiện khu rừng tại bản N, xã P bị chặt phá. Cùng ngày, tổ công tác đã phối hợp với Chính quyền bản N trực tiếp kiểm tra hiện trường, đo đạc sơ bộ diện tích rừng bị tác động, làm việc với Hà Văn C chấm dứt hành vi vi phạm. Hà Văn C đã thừa nhận hành vi vi phạm của bản thân.

Ngày 28/5/2025, Hạt kiểm lâm huyện M, tỉnh Sơn La (nay là Hạt kiểm lâm khu vực VI) thành lập hội đồng tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định:

- Diện tích rừng bị chặt phá là 11.825m².
- Theo Bản đồ giao đất lâm nghiệp, giao rừng (Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 17/6/2003 của UBND huyện M về việc giao đất lâm nghiệp - giao rừng) thì vị trí khu vực rừng bị chặt phá thuộc Tiểu khu 320, Khoảnh 2, lô 1. *Vị trí vi phạm nằm trên diện tích được giao cho cộng đồng bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La quản lý, bảo vệ với mục đích là rừng phòng hộ, trạng thái khi giao là rừng là Ib.*
- Theo Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La thì vị trí khu vực rừng bị chặt phá thuộc Tiểu khu 320, Khoảnh 2, lô 15 (lô_rs). Một phần diện tích khu vực rừng bị chặt phá là rừng sản xuất (5.489m), trạng thái rừng là HG (rừng tự nhiên hỗn giao núi đất); một phần diện tích khu vực rừng bị chặt phá đã đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng (6.336m), hiện trạng là DNN (Đất sản xuất nông nghiệp).
- Tại hiện trường cây rừng bị chặt hạ nằm ngổn ngang, phân bố không đồng đều, chủ yếu là các cây tre, nứa và cây thân gỗ có chu vi tại vị trí 1,3m từ 31cm

đến 126 cm, dài từ 3m đến 8m (bao gồm các loài như Thổ lộ, Thành Ngạnh, Dẻ....). Các gốc cây gỗ to bị hạ để lại mặt cắt gốc dấu vết sử dụng cưa máy; các gốc còn lại có dấu vết chặt hạ bằng dao, (có biểu điều tra số lượng cây bị chặt kèm theo).

- Theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì hiện trường phá rừng nằm trong khu vực rừng là: Rừng tự nhiên hỗn giao núi đất, (Ký hiệu HG diện tích 5.489m²); một phần diện tích khu vực rừng bị chặt phá nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng, diện tích 6.336m, hiện trạng là DNN (Đất sản xuất nông nghiệp).

Đối với số lượng cây tre, nứa, gỗ bị chặt hạ tại hiện trường nêu trên giao cho UBND xã C và Ban quản lý bản N có trách nhiệm trông coi bảo quản tại hiện trường, không để mất mát, không được đốt dọn và không được di chuyển ra khỏi hiện trường.

Ngày 31/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La Quyết định trưng cầu giám định số 3228/QĐ-CSKT về 1. Xác định phương pháp đo, diện tích; 2. Xác định vị trí, loại rừng, trạng thái, chủ rừng; 3. Xác định khối lượng lâm sản bị thiệt hại đối với diện tích rừng bị chặt phá theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/5/2025.

Tại bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp ngày 15/8/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La, Kết luận giám định:

“1. Xác định phương pháp đo, diện tích: Phương pháp thực hiện xác định diện tích vi phạm được nêu trong Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện M (nay là Hạt kiểm lâm khu vực VI, Viện kiểm sát nhân dân huyện M (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4) và các thành phần liên quan lập ngày 28/5/2025 là đúng với phương pháp xác định diện tích rừng bị thiệt hại theo Tiêu chuẩn Việt Nam 13458:2021 do Tổng cục Lâm nghiệp biên soạn.

2. Xác định vị trí, loại rừng, trạng thái rừng, chủ rừng:

2.1. Xác định vị trí, loại rừng: Kết quả đối chiếu, chồng xếp các lớp bản đồ thể hiện khu vực vi phạm lên Bản đồ và hồ sơ giao đất Lâm nghiệp-giao rừng năm 2003; Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, có kết quả như sau:

- Theo dữ liệu bản đồ và hồ sơ giao đất, giao rừng xã C (nay là xã P) năm 2003:

+ Vị trí: Khu vực rừng bị chặt hạ nằm trong lô i; khoảnh 2, tiểu khu 320.

+ Loại rừng: Rừng phòng hộ.

- Theo Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Vị trí: Khu vực rừng bị chặt hạ nằm trong lô:(lo-rs)15; và lo-rs(locu: 27) thuộc khoảnh 2, tiểu khu 320.

+ Loại rừng: Diện tích rừng sản xuất 5.489m; rừng không thuộc lâm nghiệp 6.336 m².

- Tại thời điểm giám định khu vực rừng bị chặt chưa lập hồ sơ phương án chuyển loại rừng trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển loại rừng từ phòng hộ sang sản xuất theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2.2 Xác định trạng thái rừng:

- Trạng thái rừng và đất Lâm nghiệp trong bản đồ kiểm kê rừng giai đoạn 2013-2016: Diện tích rừng tự nhiên Tre/luồng tự nhiên trên núi đất ký hiệu TLU, thuộc lô số 24; và lô 20 khoảnh 2 tiểu khu 320.

Trạng thái rừng và đất lâm nghiệp: Theo Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Diện tích rừng tự nhiên Tre/luồng tự nhiên trên núi đất ký hiệu TLU: (lo-rs)15; lo-rs (locu: 27) thuộc khoảnh 2, tiểu khu 320: tổng diện tích 11.825m² trong đó: (diện tích rừng sản xuất 5.489m²; rừng không thuộc quy hoạch lâm nghiệp(MĐK) 6.336 m)

- Trạng thái rừng theo bảng kê: Theo bảng kê lâm sản được đo đếm ngày 28/5/2025 của ông Hà Văn C, sinh năm 1962, trú tại bản N, xã C (nay là xã P) với số lượng 133 cây có khối lượng gỗ: 6.231m³ trên diện tích 11.825m; số lượng cây tre 2.801 cây trên diện tích 11.825m²: quy đổi ra trữ lượng theo mật độ trên héc ta như sau: Trữ lượng gỗ: 11,71m trên một héc ta; Tre nửa 2.369 cây trên một héc ta. Diện tích 11.825m² thuộc khoảnh 2, tiểu khu 320 có trạng thái rừng là: Rừng hỗn giao tre nửa trên núi đất ký hiệu (HG).

2.3 Xác định chủ rừng:

Theo hồ sơ giao đất Lâm nghiệp giao rừng năm 2003, Diện tích 11.825m do ông Hà Văn C, sinh năm 1962, trú tại bản N, xã C (nay là xã P), tỉnh Sơn La thực hiện hành vi chặt phá rừng trái pháp luật tại thuộc lô 1, khoảnh 2, tiểu khu 320 chủ rừng do cộng đồng bản N, xã C (nay là xã P), tỉnh Sơn La quản lý, bảo vệ.

3.1 Xác định nhóm gỗ bị thiệt hại:

Toàn bộ 133 cây gỗ có khối lượng 6,231m³ bị chặt hạ thuộc đối tượng đề nghị giám định đều là gỗ thông thường, các loại cây đều không thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm. Gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VII”.

Quá trình điều tra xác định, diện tích rừng thuộc lô 1 khoảnh 2, tiểu khu 320 tại bản N, xã P, theo bản đồ giao đất, giao rừng năm 2003 là rừng phòng hộ nhưng đến năm 2024 đã được chuyển sang loại rừng sản xuất (Theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La). Theo quy định tại điểm 3.4 khoản 1 Điều 1 của Quyết định trên quy định việc chuyển loại rừng được giao cho Cơ quan chức năng thực hiện. Tuy đến nay các cơ quan chuyên môn chưa hoàn tất thủ tục hành chính về chuyển loại rừng nhưng không làm thay đổi bản chất pháp lý và tính chất của loại rừng đã được xác định trong Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La. Do vậy xác định loại rừng để xử lý vi phạm đối với Hà Văn C là rừng sản xuất (5.489m²). Đối với diện tích ngoài quy hoạch lâm nghiệp (6.336m²) không sử dụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hà Văn C.

Ngày 13/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La ra Yêu cầu định giá tài sản số 8891/YC-CSKT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Sơn La xác định giá trị đối với diện tích Hà Văn C chặt phá.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐG ngày 02/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: “*Giá trị rừng bị thiệt hại 49.761.035VNĐ.*”

Về trách nhiệm dân sự: Đối với diện tích rừng bị thiệt hại có tổng giá trị là 49.761.035 đồng. Ngày 09/02/2026 bị can Hà Văn C đã nộp tiền đảm bảo thi hành án tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 số tiền 5.000.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên tại Cáo trạng số: 43/CT – VKSKV4 ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La, đã truy tố bị cáo Hà Văn C về tội Hủy hoại rừng, theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Bị cáo Hà Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Sơn La, giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Hà Văn C phạm tội Huỷ hoại rừng.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 20 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho nhà nước giá trị của 5.489m² rừng sản xuất bị chặt phá là 49.761.035 đồng. Khấu trừ 5.000.000 đồng bị cáo tự nguyện giao nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 44.761.035 đồng.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 máy cưa xích cầm tay màu cam, nhãn hiệu Husavrn365s, lam dài 76cm và xích đã bị tháo rời riêng; tịch thu tiêu hủy 01 con dao, thân dao dài 33cm, rộng 05cm, chuôi làm bằng gỗ, chiều dài chuôi 13cm.

+ Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí HSST cho bị cáo Hà Văn C.

** Tranh luận tại phiên tòa:*

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn C trình bày lời bào chữa: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị HĐXX xem xét Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, am hiểu pháp luật có phần hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại gây ra, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nhưng đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo với mức thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị, cụ thể là từ 16 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo.

- Ý kiến của bị cáo Hà Văn C tự bào chữa: Bị cáo hoàn toàn nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

- Ý kiến của nguyên đơn dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước thiệt hại do bị cáo gây ra, còn lại là 44.761.035 đồng.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ban quản lý bản N, xã P, tỉnh Sơn La không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bản mà chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho Nhà nước thiệt hại do bị cáo gây ra, còn lại là 44.761.035 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La phát biểu tranh luận với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Với đề nghị của người bào chữa, đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là “phạm tội do lạc hậu”, theo điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đại diện Viện kiểm sát xét thấy bị cáo có trình độ học vấn lớp 4/12, có những hiểu biết nhất định, hàng năm được Nhà nước và chính quyền địa phương tuyên truyền về tác hại của việc hủy hoại rừng và bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi chặt phá rừng với sự chuẩn bị, có tính toán. Do đó, việc người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội do lạc hậu” là không có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không chấp nhận đề nghị trên của người bào chữa.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào tháng 2 năm 2024 để lấy đất trồng ngô, sắn và cà phê nên bị cáo đã dùng

cưa máy và dao chặt phá 5.489m² rừng sản xuất, nằm trong lô: (lo-rs) 15 và lô lo-rs (locu: 27) thuộc Khoảnh 2, Tiểu khu 320, thuộc khu vực rừng sản xuất do Cộng đồng bản N, xã P, tỉnh Sơn La quản lý, bảo vệ gây thiệt hại cho nhà nước 49.761.035 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/5/2025;
- Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp ngày 15/8/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La về vị trí rừng, loại rừng, trạng thái rừng, chủ rừng;
- Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự, kết luận về giá trị rừng do Hà Văn C hủy hoại.
- Các quyết định về quy hoạch rừng, bản đồ lâm nghiệp, các biên bản kiểm kê...

Trên cơ sở đó đủ căn cứ kết luận bị cáo Hà Văn C đã phạm vào tội huỷ hoại rừng, theo quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về khung hình phạt áp dụng: Bị cáo Hà Văn C thực hiện hành vi huỷ hoại 5.489m² rừng sản xuất, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²)*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Nhân thân: Bị cáo Hà Văn C có nhân thân tốt.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hà Văn C không có tình tiết tăng nặng.

[4.3] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hà Văn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại, có bố đẻ (Hà Văn Náy) được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, do đó được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, có thể gây ra những hậu quả khác cho đời sống xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Do vậy cần lên một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trên cơ sở đánh giá các tình tiết về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đảm bảo tính giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt áp dụng: Xét mục đích, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn và tập quán canh tác lạc hậu của người dân tộc thiểu số nên đã phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thái độ thực sự ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, do đó không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật của Đảng và Nhà nước với đồng bào dân tộc thiểu số, tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về mức khấu trừ thu nhập: Bị cáo là nông dân, thu nhập phụ thuộc vụ mùa, không ổn định, do đó miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại đến tài sản của nhà nước nên bị cáo phải bồi thường toàn bộ giá trị 5.489m² rừng sản xuất, theo kết quả định giá là 49.761.035 đồng, tuy nhiên bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả số tiền 5.000.000 đồng nên bị cáo còn phải bồi thường số còn lại là 44.761.035 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 máy cưa xích cầm tay màu cam, nhãn hiệu Husavrm365s, lam dài 76cm và xích đã bị tháo rời riêng, HĐXX xét thấy đây là công cụ phương tiện bị cáo dùng để phạm tội cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 con dao, thân dao dài 33cm, rộng 05cm, chuôi làm bằng gỗ, chiều

dài chuôi 13cm, HÐXX xét thấy đây là công cụ phương tiện bị cáo dùng để phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy, theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

[11] Án phí: Bị cáo Hà Văn C là người dân tộc thiểu số sống ở xã, bản đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Tuyên bố bị cáo Hà Văn C phạm tội Huỷ hoại rừng.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn C 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an xã P, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Giao bị cáo Hà Văn C cho UBND xã P, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Hà Văn C bồi thường cho nhà nước số tiền 44.761.035 đồng, làm tròn 44.761.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu xung công quỹ nhà nước 01 máy cưa xích cầm tay màu cam, nhãn hiệu Husavrn365s, lam dài 76cm và xích đã bị tháo rời riêng; tịch thu tiêu huỷ 01 con dao, thân dao dài 33cm, rộng 05cm, chuôi làm bằng gỗ, chiều dài chuôi 13cm.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 39/BB-PTHADS, ngày 24/02/2026 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Sơn La và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Hà Văn C.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/3/2026).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 4 - Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại giam;
- Chi cục THADS Khu vực 4 - Sơn La;
- UBND xã P, tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải